



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000015	1001011456	Hoàng Mỹ	Anh	09/11/2004	TC10A	08					
2	000016	1001011457	Nguyễn Phương	Anh	25/12/2004	TC10A	08					
3	000017	1001010753	Nguyễn Tuấn	Anh	30/10/2004	TC10A	08					
4	000018	1001010755	Quách Duy	Anh	25/10/2004	TC10A	08					
5	000019	1001011387	Nguyễn Thị	Chuyên	09/03/2004	TC10A	08					
6	000020	1001010762	Nguyễn Tiến	Đạt	26/05/2004	TC10A	08					
7	000021	1001010763	Lê Ngọc	Diệp	10/06/2004	TC10A	08					
8	000022	1001010765	Nguyễn Hoàng	Đức	20/10/2004	TC10A	08					
9	000023	1001010767	Nguyễn Mỹ	Dung	11/11/2004	TC10A	08					
10	000024	1001010437	Vũ Hồng	Hạnh	29/05/2004	TC10A	08					
11	000025	1001010783	Lương Trung	Hiếu	09/09/2004	TC10A	08					
12	000026	1001011236	Bùi Thị	Hương	10/10/2003	TC10A	08					
13	000027	1001010797	Lê Anh	Khánh	03/09/2004	TC10A	08					
14	000028	1001010798	Phạm Duy	Khiêm	26/04/2004	TC10A	08					
15	000029	1001010801	Nguyễn Tùng	Lâm	26/09/2004	TC10A	08					ĐK
16	000030	1001010803	Cao Ngọc	Lan	19/08/2004	TC10A	08					
17	000031	1001011363	Nguyễn Thảo	Linh	19/10/2003	TC10A	08					
18	000032	1001011365	Hàn Ngọc	Long	13/12/2004	TC10A	08					
19	000033	1001010818	Trịnh Phúc	Long	17/04/2004	TC10A	08					
20	000034	1001011393	Trần Khánh	Ly	31/03/2003	TC10A	08					
21	000035	1001011453	Đào Ngọc	Minh	18/07/2004	TC10A	08					
22	000036	1001010828	Nguyễn Lương	Minh	02/08/2004	TC10A	08					
23	000037	1001010834	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	15/09/2004	TC10A	08					
24	000038	1001010835	Phạm Hồng	Ngọc	20/04/2004	TC10A	08					
25	000039	1001010229	Đỗ Thị Thảo	Nhi	23/01/2004	TC10A	08					
26	000040	1001010844	Trần Hoàng	Phong	09/05/2004	TC10A	08					
27	000041	1001010849	Đỗ Minh	Quân	02/02/2004	TC10A	08					
28	000042	1001010852	Lê Phú	Quý	03/08/2003	TC10A	08					
29	000043	1001010905	Phạm Trọng	Tài	16/12/2004	TC10A	08					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000044	1001010862	Nguyễn Tiến	Thành	26/05/2004	TC10A	08					
2	000045	1001010864	Hoàng Thị	Thảo	15/04/2003	TC10A	08					
3	000046	1001010868	Lý Trí	Thiên	03/09/2004	TC10A	08					
4	000047	1001010870	Vũ Minh	Thu	25/02/2004	TC10A	08					
5	000048	1001010871	Đỗ Thu	Thuận	26/12/2002	TC10A	08					
6	000049	1001010873	Nguyễn Thu	Thủy	15/12/2004	TC10A	08					
7	000050	1001010878	Lê Quang	Toàn	17/03/2004	TC10A	08					
8	000051	1001011383	Bùi Phương	Trang	23/12/2004	TC10A	08					
9	000052	1001010881	Hà Thị Thu	Trang	08/02/2004	TC10A	08					
10	000053	1001010889	Nguyễn Phương	Uyên	13/07/2004	TC10A	08					HP
11	000054	1001010890	Lăng Quốc	Việt	29/10/2004	TC10A	08					
12	000055	0901010156	Phạm Hoàng	Thái	10/12/2003	TC9B	08					
13	000056	0901030724	Đỗ Xuân	Thành	01/07/2003	TC9B	08					HP,ĐK
14	000057	1001010821	Nguyễn Khoa	Lý	12/08/2004	TC10A	09					ĐK
15	000058	1001011337	Nguyễn Thị Tường	An	10/03/2004	TC10B	09					
16	000059	1001011340	Hoàng Quỳnh	Anh	19/01/2004	TC10B	09					
17	000060	1001011441	Nguyễn Đào Vi	Anh	22/09/2001	TC10B	09					
18	000061	1001010750	Nguyễn Ngọc	Anh	20/11/2004	TC10B	09					
19	000062	1001010752	Nguyễn Trần Quỳnh	Anh	10/08/2004	TC10B	09					
20	000063	1001010754	Phạm Mai Quỳnh	Anh	11/06/2004	TC10B	09					
21	000064	1001010756	Vũ Hoàng	Anh	12/10/2004	TC10B	09					
22	000065	1001010757	Hán Mạnh	Cường	17/05/2004	TC10B	09					
23	000066	1001011687	Đặng Hà	Đông	01/12/2004	TC10B	09					
24	000067	1001010780	Nguyễn Minh	Hải	26/04/2004	TC10B	09					
25	000068	1001011348	Lộc Tuyết	Hậu	27/08/2004	TC10B	09					
26	000069	1001011739	Lê Xuân	Hòa	09/08/2004	TC10B	09					
27	000070	1001010786	Nguyễn Văn	Hoàn	29/12/2004	TC10B	09					
28	000071	1001011692	Đỗ Thị	Hường	02/12/2004	TC10B	09					
29	000072	1001010794	Nguyễn Khánh	Huyền	04/11/2004	TC10B	09					
30	000073	1001010795	Nguyễn Ngọc	Huyền	06/09/2004	TC10B	09					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000074	1001010796	Phạm Thị Thanh	Huyền	25/06/2004	TC10B	09					
2	000075	1001011359	Nguyễn Thị	Lam	14/11/2004	TC10B	09					
3	000076	1001010802	Nguyễn Tùng	Lâm	12/03/2004	TC10B	09					
4	000077	1001030597	Đoàn Gia	Linh	14/10/2003	TC10B	09					ĐK
5	000078	1001010811	Ngô Hoàng Thùy	Linh	05/08/2004	TC10B	09					
6	000079	1001010817	Mã Đức	Long	13/12/2004	TC10B	09					
7	000080	1001010820	Nguyễn Khánh	Ly	18/06/2004	TC10B	09					
8	000081	1001010826	Lê Hoàng	Minh	21/09/2004	TC10B	09					ĐK
9	000082	1001010831	Đặng Xuân	Nam	23/11/2004	TC10B	09					
10	000083	1001010215	Trần Trọng	Nghĩa	05/10/2004	TC10B	09					
11	000084	1001010840	Mã Thảo	Nhi	25/01/2004	TC10B	09					
12	000085	1001010848	Trần Mai	Phương	29/12/2004	TC10B	09					
13	000086	1001010850	Nguyễn Hoàng	Quân	27/08/2004	TC10B	09					
14	000087	1001010855	Vũ Ngọc	Son	24/07/2004	TC10B	09					
15	000088	1001010857	Hoàng Hà Băng	Tâm	10/08/2004	TC10B	09					
16	000089	1001010867	Phạm Phương	Thảo	13/02/2004	TC10B	09					
17	000090	1001011460	Đỗ Đức	Thịnh	05/01/2004	TC10B	09					
18	000091	1001011455	Hoàng Hà Anh	Thư	26/02/2004	TC10B	09					
19	000092	1001011467	Đàm Phương	Thùy	19/10/2004	TC10B	09					
20	000093	1001010879	Hà Ngọc	Trà	02/05/2004	TC10B	09					
21	000094	1001011454	Đặng Quỳnh	Trang	07/10/2002	TC10B	09					
22	000095	0901010764	Lê Thị Kiều	Trang	16/01/2003	TC10B	09					
23	000096	1001010891	Hoàng Anh	Vũ	26/08/2004	TC10B	09					
24	000097	1001010894	Nguyễn Thị	Xuân	09/05/2004	TC10B	09					
25	000098	0901010211	Bùi Ngọc	Hiếu	17/10/2003	TC9A	09					ĐK
26	000099	0901070404	Thân Mạnh	Hùng	17/06/2003	TC9A	09					
27	000100	0901080841	Tòng Văn	Quốc	14/08/2003	TM9A	09					ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000101	1001060346	Nguyễn Thành	An	14/11/2004	KA10A	10					
2	000102	1001060347	Đỗ Thị Phương	Anh	21/08/2004	KA10A	10					
3	000103	1001061438	Lý Thị Kim	Anh	09/03/2004	KA10A	10					
4	000104	1001060348	Nguyễn Hoàng	Anh	26/09/2004	KA10A	10					
5	000105	1001060349	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	12/11/2004	KA10A	10					
6	000106	1001060350	Nguyễn Thị Phương	Anh	03/09/2004	KA10A	10					
7	000107	1001060351	Vũ Hà Thanh	Bình	10/11/2004	KA10A	10					
8	000108	1001060353	Đinh Đức	Giáp	27/10/2004	KA10A	10					
9	000109	1001060355	Nguyễn Việt	Hà	12/07/2004	KA10A	10					
10	000110	1001061095	Ngô Thị Ngọc	Hoài	16/06/2004	KA10A	10					
11	000111	1001060359	Đào Ngọc	Hoàn	23/12/2004	KA10A	10					
12	000112	1001060361	Phạm Thu	Hương	18/08/2004	KA10A	10					
13	000113	1001060363	Vũ Mai	Hương	26/11/2004	KA10A	10					
14	000114	1001060365	Nguyễn Thanh	Huyền	02/10/2004	KA10A	10					
15	000115	1001060366	Trần Khánh	Huyền	23/11/2004	KA10A	10					
16	000116	1001061429	Triệu Tài	Lương	23/09/2000	KA10A	10					
17	000117	1001060368	Nguyễn Thị Thanh	Minh	27/12/2004	KA10A	10					
18	000118	1001061025	Phạm Thị Phương	Nga	13/02/2004	KA10A	10					
19	000119	1001060369	Vũ Đoàn Anh	Ngọc	19/12/2004	KA10A	10					
20	000120	1001061430	Nguyễn Thị Hoài	Thu	29/11/2004	KA10A	10					
21	000121	1001060372	Ngô Hồng	Thư	20/01/2004	KA10A	10					
22	000122	1001060373	Nguyễn Thủy	Tiên	24/01/2004	KA10A	10					
23	000123	1001060374	Nguyễn Trung	Tiến	18/08/2004	KA10A	10					
24	000124	1001061431	Nguyễn Đức	Trường	16/10/2003	KA10A	10					
25	000125	1001061083	Cam Thảo	Vân	16/07/2004	KA10A	10					
26	000126	1001060379	Đỗ Thúy	Xoan	22/10/2004	KA10A	10					
27	000127	1001060381	Phạm Hoàng	Yến	18/07/2004	KA10A	10					
28	000128	0901060005	Nguyễn Hữu	Hào	26/11/2003	KD9K	10					
29	000129	0901020110	Nguyễn Huy	Hoàng	29/10/2003	KD9K	10					
30	000130	1001080382	Đinh Duy	Anh	24/11/2004	TM10A	11					
31	000131	1001080383	Lê Lan	Anh	26/07/2004	TM10A	11					
32	000132	1001081182	Nguyễn Hồng	Anh	27/02/2004	TM10A	11					
33	000133	1001080386	Nguyễn Trần Ngọc	Anh	08/11/2004	TM10A	11					
34	000134	1001081104	Ngô Thị Kim	Ánh	07/09/2004	TM10A	11					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000135	1001081106	Đặng Đình Gia	Bảo	10/06/2004	TM10A	11					
2	000136	1001081592	Nguyễn Ngọc	Bích	17/11/2004	TM10A	11					
3	000137	1001080387	Nguyễn Hà	Châu	19/12/2004	TM10A	11					
4	000138	1001081107	Đỗ Đức	Cường	06/09/2004	TM10A	11					
5	000139	1001080388	Nguyễn Thị	Hà	04/08/2004	TM10A	11					
6	000140	1001080390	Nguyễn Thị	Hào	31/07/2004	TM10A	11					
7	000141	1001081112	Lương Thảo	Hiền	25/04/2004	TM10A	11					
8	000142	1001080391	Phạm Thị Thuý	Hiền	25/12/2004	TM10A	11					
9	000143	1001081414	Phạm Hoàng	Hiệp	23/09/2004	TM10A	11					
10	000144	1001080393	Bùi Minh	Hồng	05/10/2004	TM10A	11					
11	000145	1001080572	Nguyễn Hoàng	Huy	30/09/2004	TM10A	11					
12	000146	1001080396	Phan Anh	Kiệt	30/01/2004	TM10A	11					
13	000147	1001080397	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	11/02/2004	TM10A	11					
14	000148	1001080398	Đào Lê Phương	Linh	08/11/2004	TM10A	11					
15	000149	1001080167	Lê Khánh	Linh	12/10/2004	TM10A	11					
16	000150	1001081426	Lương Phương	Linh	07/09/2004	TM10A	11					
17	000151	1001081115	Nguyễn Diệu	Linh	12/02/2004	TM10A	11					
18	000152	1001080400	Nguyễn Thị Diệu	Linh	05/03/2004	TM10A	11					
19	000153	0901080023	Trần Đức	Lực	27/06/2003	TM10A	11					
20	000154	1001080403	Cung Xuân	Mai	22/01/2004	TM10A	11					
21	000155	1001080404	Nguyễn Hùng	Mạnh	26/10/2004	TM10A	11					
22	000156	1001081117	Nguyễn Văn	Minh	03/07/2004	TM10A	11					
23	000157	1001080408	Vũ Trần Minh	Ngọc	03/08/2004	TM10A	11					
24	000158	1001080409	Hoàng Tổ	Nhi	12/11/2004	TM10A	11					
25	000159	1001081440	Trần Thị Kim	Oanh	15/04/2004	TM10A	11					HP
26	000160	1001080413	Chu Lan	Phương	14/06/2004	TM10A	11					
27	000161	1001081125	Phạm Thị	Phượng	22/06/2004	TM10A	11					
28	000162	1001080415	Đỗ Trường	Son	21/07/2004	TM10A	11					
29	000163	1001081437	Hồ Lê Phương	Thảo	23/10/2004	TM10A	11					
30	000164	1001080420	Nguyễn Thị	Thảo	06/11/2004	TM10A	11					
31	000165	1001080421	Mạc Đoàn Thanh	Trang	26/11/2004	TM10A	11					
32	000166	1001080734	Nguyễn Lê Hoàng	Tùng	09/06/2004	TM10A	11					
33	000167	1001080422	Nguyễn Thanh	Vân	12/11/2004	TM10A	11					
34	000168	1001080423	Trần Ngọc Yến	Vy	27/11/2004	TM10A	11					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2